

Bản án số:32/2022/HSST
Ngày:17/3/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quý Minh Ánh.

2. Ông Hà Văn Tôn.

- *Thư ký phiên tòa* : Ông Cao Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên , tỉnh Thái Nguyên .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên , tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 172/2021/TLST- HS ngày 21 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Bá M; tên gọi khác: Không; sinh năm 1971; tại TB; trú tại: Xóm ÁL, xã PT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bá N và bà Trần Thị C; có vợ là Nguyễn Thị P, vợ chồng bị cáo có 02 con chung (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/4/2020 bị Công an thị xã Phổ Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” hình thức phạt tiền. Theo Quyết định số 0003975/QĐ-XPHC. Bị cáo đã nộp tiền phạt ngày 21/7/2020.

Bị cáo không bị giam giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại xã PT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1965; tại Đại Từ - Thái Nguyên; trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Đỗ Thị N; có vợ là Trần Thị K, vợ chồng bị cáo có 02 con chung (con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1990).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị giam giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại thị trấn QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Văn D; tên gọi khác: Không; sinh năm 1970; tại Thái Bình; trú tại: Xóm TT, xã CN, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình C và bà Trần Thị T; có vợ là Trần Thị T, vợ chồng bị cáo có 02 con chung (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1994).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị giam giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại xã CN, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn D; tên gọi khác: Không; sinh năm 1978; tại Đại Từ - Thái Nguyên; trú tại: Xóm TL, xã QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Đỗ Thị D; có vợ là Đặng Thị B, vợ chồng bị cáo có 02 con chung (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/11/2016 có hành vi “*Đánh bạc*” bị Công an huyện Đại Từ xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 277/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2016. Bị cáo đã nộp tiền phạt vào ngày 28/12/2016.

Bị cáo không bị giam giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại xã QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Hoàng Văn Đ; tên gọi khác: Không; sinh năm 1995; tại Đại Từ - Thái Nguyên; trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D và bà Dương Thị X; có vợ là Lê Thị T (đã ly hôn), bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị giam giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại thị trấn QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Trung Đ; tên gọi khác: Không; sinh năm 1994; tại Đại Từ - Thái Nguyên; trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Không rõ bố là ai, con bà Nguyễn Thị P; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị giam giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại thị trấn QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

7. Nguyễn Xuân P; tên gọi khác: Không; sinh năm 1994; tại Đại Từ, Thái Nguyên; trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Đỗ Thị L; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị giam giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại thị trấn QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

8. Nguyễn Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1989; tại Đại Từ, Thái Nguyên; trú tại: Xóm TT, xã CN, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị K; có vợ là Trần Thị T, vợ chồng bị cáo có 02 con chung (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị giam giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại xã CN, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**Người làm chứng:*

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953;

Trú tại: Xóm ÁL, xã PT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

** Người chứng kiến:*

Ông Trần Trọng D, sinh năm 1965;

Trú tại: Xóm ÁL, xã PT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà Đ, ông D đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn D đều có mối quan hệ quen biết với gia đình bà Nguyễn Thị Đ ở xóm ÁL, xã PT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và thỉnh thoảng có đến nhà bà Đ ngồi chơi, uống nước. Khoảng 22 giờ ngày 01/9/2021 T, Dg, D, M đến nhà bà Đ ngồi chơi uống nước. Sau đó do tuổi cao nên vợ chồng bà Đ đi ngủ. T, Dg, M, D vẫn ngồi uống nước. Sau đó bốn đối tượng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “*Liêng*” được thua bằng tiền Việt Nam đồng tại phòng khách nhà bà Đ. Các đối tượng đánh bạc được khoảng 30 phút thì có Hoàng Văn Đ, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Xuân P cũng đến nhà bà Đ chơi và tham gia đánh bạc. Khoảng 10 phút sau có thêm Nguyễn Văn T đến và cũng vào tham gia đánh bạc cùng các đối tượng trên. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 02/9/2021 thì bị Cơ quan Công an thị xã Phổ Yên đến kiểm tra bắt quả tang tám đối tượng trên đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Vật chứng thu giữ gồm: 5.520.000đ (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) thu trên chiếu bạc; 01 (một) bộ bài lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân và 01 (một) chiếu cỏi. Tạm giữ trên người Trần Bá M số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn D số tiền 9.700.000đ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn T số tiền 3.550.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra các bị cáo xác định đã sử dụng số tiền vào việc đánh bạc như sau: Bị cáo M sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), D sử dụng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), T sử dụng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), Dg sử dụng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), P sử dụng 1.000.000đ (một triệu đồng), Đ sử dụng 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng), Đ1 sử dụng 1.000.000đ (một triệu đồng), T sử dụng 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Về hình thức đánh bạc được các bị cáo quy ước như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài làm công cụ để đánh bạc. Trước mỗi ván, mỗi người tham gia đánh bạc phải đặt cược 10.000đ (mười nghìn đồng). Đây gọi là tiền chống cửa của mỗi ván. Khi cược xong, người chia bài sẽ chia cho mỗi đối tượng 03 quân bài và người chơi giữ bí mật bài của mình. Người chơi sẽ có các lựa chọn sau khi xem bài: Tổ, theo và úp bài. Tổ là trường hợp người chơi thấy bài của mình cao điểm và muốn đặt thêm tiền cược cho ván đó. Úp bài là người tham gia đánh bạc sẽ bỏ bài này khi cảm thấy bài quá nhỏ, không thể thắng và chấp nhận mất đi số tiền đã đặt cược của ván đó. Theo là đặt cược bằng với số tiền của người ở cửa trước vừa đưa ra hoặc có thể tổ thêm nếu muốn đưa ra số tiền cược cao hơn số tiền của người trước đã tổ. Mỗi ván chơi chỉ có 01 vòng tổ duy nhất và tối đa tổ đến 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Khi kết thúc vòng đặt cược, người có bộ bài lớn nhất sẽ thắng và được toàn bộ số tiền cược trong ván đó. Cách tính điểm 03 quân bài theo thứ tự từ cao xuống thấp như sau: Sáp, liêng, ảnh, điểm. Sáp là bộ bài lớn nhất trong liêng, đây là bộ ba lá bài trong cùng một bộ tứ quý. Khi một ván có nhiều người có sáp thì sáp lớn nhất sẽ thắng. Sáp lớn nhất là sáp át (A) và sáp nhỏ nhất là sáp 2 theo thứ tự từ cao xuống thấp lần lượt là A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2. Liêng là trường hợp 03

lá bài trong 03 bộ tứ quý liên kề nhau. Xét liêng thì Q, K, A là lớn nhất và A, 2, 3 là nhỏ nhất. Nếu có 02 người có bộ ba Q, K, A thì sẽ xét đến chất của quân Át theo thứ tự từ lớn đến bé là “Rô - Cơ - Tép - Bích”. Khi bộ ba quân đang giữ là ba lá hình người (Tức trong các bộ tứ quý J, Q, K không thuộc trường hợp thuộc sấp và liêng) thì được gọi là ảnh. Khi có nhiều người chơi có ảnh thì phải so sánh chất của từng lá bài từ lá bài cao nhất cũng theo thứ tự Rô - Cơ - Tép - Bích. Trường hợp trong tất cả người chơi không có sấp, liêng, ảnh thì sẽ tính tổng 03 quân bài để tính điểm bằng cách cộng tổng 03 quân bài lại lấy số điểm hàng đơn vị làm điểm với 09 điểm là cao nhất. Khi tính điểm Át được tính là 01 điểm; 10, J, Q, K được tính là 0 điểm.

Quá trình điều tra các bị cáo đã nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKSPY ngày 20/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Trần Bá M, Nguyễn Trung Đ, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân P, Trần Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và đều xác định thời gian đánh bạc tại gia đình nhà bà Đ từ khoảng 22 giờ ngày 01/9/2021 đến 00 giờ 10 phút ngày 02/9/2021 thì bị Công an thị xã Phổ Yên phát hiện và bắt quả tang. Tổng cộng số tiền thu trên chiếu bạc là 5.520.000đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Các bị cáo xác định số tiền của từng người sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Bị cáo Trần Bá M: mang theo 2.000.000đồng (hai triệu đồng) sử dụng 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc và khi bị bắt quả tang bị cáo đã bị thua hết số tiền này, số tiền còn lại 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Văn T: Mang theo 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên và việc đánh bạc, khi bị bắt bị cáo đang thua và còn lại số tiền 1.470.000đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) để ở trên chiếu bạc. Bị cáo Trần Văn D: Mang theo khoảng 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) sử dụng toàn bộ để đánh bạc và khi bị bắt bị cáo đang thua và còn lại 130.000đồng (một trăm ba mươi nghìn đồng) để trên chiếu bạc. Bị cáo Nguyễn Văn D: Mang theo 10.000.000đồng (mười triệu đồng), bỏ ra khoảng 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt bị cáo đang được khoảng 30.000đồng (ba mươi nghìn đồng), số tiền trên chiếu bạc của bị cáo khi bị bắt là 350.000đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền 9.700.000đồng (chín triệu bảy trăm nghìn đồng) bị cáo để trên người và không sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo Hoàng Văn Đ: Mang theo 1.000.000đồng (một triệu đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, quá trình đánh bạc bị cáo thắng được 170.000đồng (một trăm bảy mươi nghìn đồng) nên đã cất 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng) vào túi quần, khi bị bắt bị cáo bỏ hết xuống chiếu bạc số tiền là 1.170.000đồng (một

triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Trung Đ: Mang theo 840.000đồng (tám trăm bốn mươi nghìn đồng) sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi bắt đang thắng được 20.000đồng (hai mươi nghìn đồng), số tiền thu trên chiếu bạc của bị cáo là 860.000đồng (tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Xuân P: Mang theo 1.000.000đồng (một triệu đồng), sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi bị bắt đang thua và còn lại số tiền là 870.000đồng (tám trăm bảy mươi nghìn đồng) để trên chiếu bạc. Bị cáo Nguyễn Văn T1: Mang theo 4.200.000đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng), bỏ ra khoảng 650.000đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) để sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt bị cáo đang thắng được khoảng 40.000đồng (bốn mươi nghìn đồng) số tiền trên chiếu bạc của bị cáo khoảng 690.000đồng (sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Còn lại số tiền 3.550.000đồng (năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo để trong túi và không sử dụng vào việc đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc chỉ có 08 bị cáo tham gia đánh bạc, không có ai bỏ về trước và khi bị bắt quả tang không có ai bỏ chạy thoát, chiếc chiếu dùng để đánh bạc là của gia đình bà Đ có sẵn và trải từ trước, bộ bài tú lơ khơ là do bị cáo T đi mua.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Bá M, Nguyễn Trung Đ, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân P, Trần Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Trần Bá M từ 07 đến 10 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt mỗi bị cáo: Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Văn T1 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung mỗi bị cáo Trần Bá M, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân P, Trần Văn D Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Văn D; Nguyễn Văn T1 một khoản tiền từ 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01(một) phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B ghi Bộ bài tú lơ khơ (bên trong có 52 quân bài tú lơ khơ); 01 (một) chiếu cói đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.520.000đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) thu trên chiếu bạc của các bị cáo.

Tạm giữ số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Trần Bá M; 9.700.000đồng (chín triệu bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn D và 3.550.000đồng (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn T, để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Các bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định: Do hám lợi, muốn kiếm tiền một cách nhàn hạ mà không phải từ sức lao động chân chính, nên trong khoảng thời gian từ 22 giờ 00 phút ngày 01/9/2021 đến 00 giờ 10 phút ngày 02/9/2021 tại nhà của bà Nguyễn Thị Đ thuộc xóm ÁL, xã PT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên: Trần Bá M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Dg, Trần Văn D, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Xuân P và Nguyễn Văn T1, đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền Việt Nam đồng thì bị Công an thị xã Phổ Yên kiểm tra và bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 5.520.000đ (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) thu trên chiếu bạc. Như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Do đó bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSPY ngày 20/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Trần Bá M, Nguyễn Trung Đ, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân P, Trần Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Dg về tội danh và điều luật đã viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xong hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, cờ bạc là tệ nạn xã hội, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế, gia đình của các bị cáo mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, làm tam vỡ hạnh phúc gia đình. Do đó việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử bằng pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội của các bị cáo: Do các bị cáo háms lờ, muốn kiếm tiền một cách nhàn hạ, bất chính nên dẫn các bị cáo đến việc phạm tội.

[5]. Xét về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước, không xác định được ai là người khởi xướng. Các bị cáo đều là người thực hiện, cùng là đồng phạm. Trần Bá M, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Dg, Trần Văn D là những người tham gia đánh bạc từ đầu, tiếp đến là Hoàng Văn Đ, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Xuân P và sau cùng là bị cáo Nguyễn Văn T. Nên cần có mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo.

[6]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt: Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho các bị được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo M có bố đẻ là người có công với Nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo D có bố đẻ là người có công với Nước được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên cho bị cáo M, D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo M về nhân thân ngày 14/4/2020 bị Công an thị xã Phổ Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, theo Quyết định số 0003975/QĐ-XPHC với hình thức phạt tiền 1.500.000đồng, ngày 21/7/2020 bị cáo đã nộp phạt xong số tiền trên. Đến ngày 02/9/2021 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, khi mới hết tiền sự được hơn một tháng, thể hiện bị cáo không có ý thức cải tạo, tu dưỡng, coi thường pháp luật nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian vừa đủ để giáo

dục, cải tạo bị cáo trở thành một công dân tốt và cũng để răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Dg ngày 27/12/2016 có hành vi “*Đánh bạc*” bị Công an huyện Đại Từ xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 277/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2016 bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đồng đã thực hiện nộp tiền vào kho bạc ngày 28/12/2016. Đến ngày 02/9/2021 thực hiện hành vi phạm tội, đã gần được 05 năm. Theo quy định tại điểm 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, quá trình điều tra thu thập được tài liệu thể hiện năm 1985 bị cáo bị Công an huyện Đại Từ khởi tố về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Trong quá trình điều tra vụ án cơ quan điều tra thị xã Phổ Yên đã có Công văn số: 1429/CV-CSĐT ngày 26/12/2021 gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ: Với nội dung đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến hành vi phạm tội bị khởi tố nêu trên của Nguyễn Văn Tuất; Công văn số 1428/CV-CSĐT ngày 26/10/2021 gửi Tòa án nhân dân huyện Đại Từ với nội dung đề nghị cung cấp Bản án và tài liệu thi hành án của Nguyễn Văn T1 liên quan đến hành vi phạm tội bị khởi tố nêu trên của Nguyễn Văn T1. Tuy nhiên tại văn bản trả lời số 210/CV- SKS ngày 27/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ có nội dung: ... “*Hiện nay trong kho lưu trữ của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ không có hồ sơ vụ án liên quan đến đối tượng Nguyễn Văn T1 (bí danh: T) như nêu trên. Nguyên nhân có thể do thời gian đã lâu, hồ sơ đã bị hư hỏng hoặc hồ sơ đã được chuyển đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật*”; Văn bản số 185/ CV-TA ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ có nội dung: ... “*Sau khi kiểm tra toàn bộ hồ sơ và sổ thụ lý lưu trữ năm 1985 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thì thấy: Hiện tại không thấy hồ sơ hình sự được lưu trữ đối với Nguyễn Văn T1. Vì lý do năm 1989 trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, bị hỏa hoạn, do đó không còn hồ sơ lưu trữ*” hay biên bản xác minh ngày 27/10/2021 của Cơ quan Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ có nội dung: “*Hiện tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ không quản lý hồ sơ liên quan đến Nguyễn Văn T1 về hành vi nêu trên. Năm 1985 Thi hành án huyện Đại Từ được tách ra từ Tòa án nhân dân huyện Đại Từ từ năm 1993. Các hồ sơ từ năm 1993 trở về trước được lưu tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ*”. Như vậy quá trình điều tra không thu thập được tài liệu gì để có căn cứ xác định bị cáo T1 đã từng bị xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Nên cần áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo, để từ đó xác định bị cáo không có nhân thân xấu và lần phạm tội này của bị cáo được xác định là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Xét thấy các bị cáo: T1, Dg, D, Đ, Đ1,P và T đều là những người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự: Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, lời thỉnh cầu của các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương mà không cần phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội vẫn có thể cải tạo các bị cáo thành người tốt và làm ăn lương thiện được.

Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tại phiên tòa là phù hợp, được chấp nhận.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm mục đích vụ lợi nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung mỗi bị cáo một khoản tiền nhất định để sung công quỹ Nhà nước.

[8]. Về vật chứng của vụ án: 01 (một) phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B ghi bộ bài tú lơ khơ (bên trong có 52 quân bài tú lơ khơ); 01 (một) chiếu cói đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Số tiền 5.520.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm giữ của Trần Bá M, số tiền 9.700.000đ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm giữ của Nguyễn Văn D g và số tiền 3.550.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ của Nguyễn Văn T, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc, lẽ ra cần trả lại cho các bị cáo, xong do các bị cáo còn phải chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Do vậy cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/ 2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[11]. Về các vấn đề khác: Các bị cáo đánh bạc tại gia đình bà Nguyễn Thị Đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đã xác định: Do bị cáo M, T, D và Dg đều có mối quan hệ quen biết với gia đình bà Đ và thỉnh thoảng các bị cáo vẫn đến gia đình bà Đ ngồi chơi và uống nước. Ngày 01/9/2021 các bị cáo ban đầu đến gia đình bà Đ ngồi chơi và uống nước, sau đó vợ chồng bà Đ do tuổi già đã đi ngủ. Sau khi vợ chồng bà Đ đi ngủ thì các bị cáo mới rủ nhau đánh bạc. Vợ chồng bà Đ không biết việc các bị cáo đánh bạc tại nhà mình và cũng không được lợi ích gì từ việc này. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà Đ là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố các bị cáo Trần Bá M, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Dg, Trần Văn D, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Trần Bá M 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Dg 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt mỗi bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn Đ, Trần Trung Đ, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn D cho UBND xã CN, huyện Đại Từ; giao các bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Xuân P cho UBND thị trấn QC, huyện Đại Từ; giao bị cáo Nguyễn Văn Dg cho UBND xã QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo: Trần Bá M, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Dg, Trần Văn D, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn T trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự: Buộc mỗi bị cáo Trần Bá M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Dg, Trần Văn D, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn T phải nộp 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B ghi bộ bài tú lơ khơ (bên trong có 52 quân bài tú lơ khơ) và 01 (một) chiếu cói đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính: 5.520.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Tạm giữ số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm giữ của Trần Bá M, số tiền 9.700.000đ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm giữ của Nguyễn Văn D g và số tiền 3.550.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ của Nguyễn Văn T để đảm bảo công tác thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Ủy nhiệm chi số 312 ngày 16 tháng 12 năm 2021).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo Trần Bá M, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Dg, Trần Văn D, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKDND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án hs;
- Sở tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã PT;
- UBND xã QC;
- UBND thị trấn QC;
- UBND xã CN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy